

Công ty Cổ phần Mía Đường
Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo tài chính hợp nhất
quý 4 niên độ 01/07/2015 đến 30/06/2016



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười bốn lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 24 tháng 03 năm 2015. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Giấy chứng nhận ĐKDN Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được đã được đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 10 năm 2015.
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Ngừ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Nguyễn Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc
	Đến ngày 01/06/2016
Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đức Tồn	Giám Đốc Nhà Máy
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám Đốc Tài Chính
Ông Trang Thanh Trúc	Giám Đối Đối Ngoại
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Quyền Giám đốc Khối hỗ trợ
	Từ ngày 18/04/2016
Ông Huỳnh Văn Pháp	Giám đốc Kinh Doanh
Ông Thái Bá Hòa	Giám đốc Nguyên Liệu

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Huỳnh Thành Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Thành viên

Kế Toán Trưởng Ông Lê Phát Tín Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký Xã Tân Hưng
Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH Earnt & Young
Việt Nam

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 01 – DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	30/06/2015
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110+120+130+140+150	100		4.432.162.294.408	1.891.254.681.331
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	05	856.236.853.480	138.062.494.402
1. Tiền	111		544.636.853.480	138.062.494.402
2. Các khoản tương đương tiền	112		311.600.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		85.004.967.683	7.021.531.368
1. Đầu tư ngắn hạn	121		67.004.967.683	8.124.761.428
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	(1.103.230.060)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu	130		2.068.323.532.141	960.899.927.685
1. Phải thu của khách hàng	131		829.920.691.964	268.961.211.094
2. Trả trước cho người bán	132	06	1.089.237.832.398	474.876.118.998
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		114.500.000.000	179.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	06	69.383.899.493	61.349.873.143
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(34.718.891.714)	(23.287.275.550)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	07	1.373.158.964.453	749.235.990.504
1. Hàng tồn kho	141		1.381.700.342.709	750.055.482.080
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(8.541.378.256)	(819.491.576)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		49.437.976.651	36.034.737.372
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		39.388.708.336	33.159.799.557
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	16	9.049.268.315	30.385.635
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	2.844.552.180
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.000.000.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(Tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.421.549.741.483	1.405.330.838.745
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.363.647.908	48.628.324.058
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu cho vay dài hạn	215		12.677.355.696	-
4. Phải thu dài hạn khác	216	06	24.686.292.212	48.628.324.058
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.384.186.093.575	1.356.702.514.687
1. Tài sản cố định hữu hình	221	08	1.300.869.861.374	476.155.185.794
- Nguyên giá	222		3.045.603.254.746	1.747.107.486.692
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(1.744.733.393.372)	(1.270.952.300.898)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	09	67.610.055.686	-
- Nguyên giá	225		73.767.448.385	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(6.157.392.699)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	182.017.261.165	57.255.863.933
- Nguyên giá	228		197.891.271.547	68.915.328.391
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(15.874.010.382)	(11.659.464.458)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	124.918.704.027	170.548.334.250
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		124.918.704.027	170.548.334.250
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	628.670.488.047	612.260.559.873
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		408.362.423.062	517.891.777.476
3. Đầu tư dài hạn khác	253		221.273.235.779	94.437.115.484

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 01 – DN/HN

4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn(*)	254		(965.170.794)	(68.333.087)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	13	62.386.631.322	40.482.570.837
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		62.386.631.322	40.482.570.837
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VII. Lợi thế thương mại	269		17.713.091.954	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		6.853.712.035.891	3.296.585.520.076

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	30/06/2015
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		4.238.218.315.249	1.375.001.591.371
I. Nợ ngắn hạn	310		2.867.853.896.428	866.292.962.371
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		45.667.813.688	82.666.961.595
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	176.610.473.043	81.251.627.841
3. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	16	9.799.727.479	840.996.228
4. Phải trả công nhân viên	314		10.133.880.337	4.512.096.380
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	61.207.082.780	10.819.139.091
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		370.909.091	-
7. Các phải trả ngắn hạn khác	319	18	24.793.312.375	5.138.453.730
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	2.522.976.695.895	667.877.287.507
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	16.294.001.740	13.186.399.999
II. Nợ dài hạn	330		1.370.364.418.821	508.708.629.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
5. Phải trả dài hạn khác	337		185.500.000	96.300.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(Tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	1.370.178.918.821	508.612.329.000
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		2.615.493.720.642	1.921.583.928.705
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	2.603.555.267.324	1.920.948.011.115
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.856.423.580.000	1.485.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.856.423.580.000	1.485.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi			-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		155.174.403.823	14.732.000.010
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	(2.040.858.039)
4. Cổ phiếu quỹ	415		(40.306.862.293)	(61.577.199.043)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(1.102.941.882)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		243.709.260.201	227.425.653.785
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		389.657.827.475	257.408.414.402
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		93.523.086.601	133.711.121.212
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		296.134.740.874	123.697.293.190
II.. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11.938.453.319	635.917.590
III. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		6.853.712.035.891	3.296.585.520.076

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế toán trưởng



Lê Phát Tín

Ngày 30 tháng 07 năm 2016



Người duyệt
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Ngự

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 02a – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06		Giai đoạn từ 01/07 đến 30/06	
			Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.023.398.533.842	552.490.058.048	4.040.651.965.687	2.071.667.869.305
2. Các khoản giảm trừ	02	25	2.788.038.987	1.088.716.914	13.099.433.808	4.767.867.003
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 1 - 2)	10	25	1.020.610.494.855	551.401.341.134	4.027.552.531.879	2.066.900.002.302
4. Giá vốn hàng bán	11	26	867.346.476.124	463.632.223.613	3.438.925.384.397	1.808.239.601.251
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 3 - 4)	20	26	153.264.018.731	87.769.117.521	588.627.147.482	258.660.401.051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	40.638.505.614	16.007.652.420	144.960.713.096	83.791.881.419
7. Chi phí tài chính	22	30	64.582.225.080	9.574.776.176	205.164.255.801	68.270.246.238
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		61.682.830.093	16.691.696.593	152.834.279.659	80.244.824.475
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.689.748.705	24.098.812.900	19.302.403.932	59.890.974.620
9. Chi phí bán hàng	25	27	19.659.011.120	21.441.475.522	95.331.249.386	68.364.786.581
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	38.770.428.591	17.451.030.035	147.138.237.133	65.542.929.101
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		72.580.608.259	79.408.301.108	305.256.522.190	200.165.295.170
12. Thu nhập khác	31		6.399.331.677	2.412.253.346	12.326.116.384	17.394.161.133
13. Chi phí khác	32		3.962.616.672	234.385.921	6.399.346.118	9.253.823.362
14. Lợi nhuận khác (40=31 - 32)	40		2.436.715.005	2.177.867.425	5.926.770.266	8.140.337.771
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		75.017.323.264	81.586.168.533	311.183.292.456	208.305.632.941
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	(5.694.209.072)	4.176.656.920	14.745.964.799	18.317.918.389
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(298.602.082)	-	1.014.642.696
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		80.711.532.336	77.708.113.695	296.437.327.657	188.973.071.856
19. Chủ sở hữu của công ty	18,2		80.836.326.062	77.416.678.535	296.259.534.600	188.337.154.266
20. Cổ đông thiểu số			(124.793.726)	291.435.160	177.793.057	635.917.590

Lập bảng

Đặng Thị Diễm Trinh

Kế toán trưởng

Lê Phát Tín

Ngày 30 tháng 07 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thanh Ngự

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	75.017.323.264	76.848.874.700
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	46.466.129.476	22.414.107.978
Các khoản dự phòng	03	985.158.141	4.495.487.385
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	-	(194.840.978)
(Lãi) / Lỗ CLTG hối đoái chưa thực hiện	05	3.694.794.379	
Lãi / Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	05	(32.145.103.887)	10.254.896.731
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho công ty liên quan	05	(700.791.408)	(24.105.879.462)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	05	(6.703.050.604)	(6.541.430.055)
Thu nhập cổ tức	05	-	
Chi phí lãi vay	06	61.682.830.093	16.691.696.593
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	148.297.289.454	99.862.912.892
Biến động các khoản phải thu	09	(88.365.739.406)	(65.212.427.607)
Biến động hàng tồn kho	10	315.500.167.541	304.549.364.045
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(92.842.793.693)	(62.883.489.964)
Biến động chi phí trả trước	12	16.094.701.160	(52.150.745.472)
Tiền lãi vay đã trả	13	(48.135.073.983)	(14.599.351.976)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.155.385.282)	(3.088.951.734)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		130.230.303	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(16.553.859.695)	(3.384.678.778)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	226.969.536.398	203.092.631.406

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Từ 01/04/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/06/2015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XDCB	21	(11.202.299.379)	(76.001.204.314)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.888.860.608	279.999.700
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	23	-	-
Tiền chi mua chứng khoán nợ và chứng khoán vốn	24	-	-
Tiền thu do bán chứng khoán nợ và chứng khoán vốn	24	1.205.688.750	51.539.769.250
Tiền chi cho vay đơn vị liên doanh	24	(227.485.405.000)	(76.000.000.000)
Tiền thu cho vay đơn vị liên doanh	25	289.677.286.500	70.000.000.000
(Tặng) / Giảm tiền gửi tại Ngân hàng	27	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(13.703.680.000)	(15.240.170.016)
Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác		174.687.570.000	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.198.000.310	9.669.275.883
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	228.266.021.789	(35.752.329.497)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành vốn cổ phần	31	-	-
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	31	1.000.000.000.000	
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.188.117.192.759	1.141.779.416.992
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.086.501.031.485)	(1.431.931.957.194)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(2.290.707.270)	-
Tiền chi trả cổ tức	36	(49.497.325)	(6.175.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	99.275.956.679	(290.158.715.202)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	554.511.514.867	(122.818.413.293)
Tiền đầu năm	60	301.725.338.613	260.880.907.695
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	856.236.853.480	138.062.494.402

Lập Bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế Toán Trưởng



Lê Phát Tín



Người duyệt
Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thanh Ngự

Ngày 30 tháng 07 năm 2016

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty có 537 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 5 nhân viên (ngày 30 tháng 06 năm 2015: 488 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Năm tài khóa áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

- (i) Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.
- (ii) Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không mà dùng ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.
- (iii) Kể từ kỳ kế toán 01 tháng 07 năm 2015 đến 30 tháng 06 năm 2016, Công ty sẽ lập báo cáo hợp nhất theo thông tư 202/2014/TT/BTC.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 09a – DN/HN

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	4 – 15 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 09a – DN/HN

dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Tiền mặt & tiền gửi Ngân hàng	544.636.853.480	138.062.494.402
Các khoản tương đương tiền	311.600.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	856.236.853.480	138.062.494.402

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

Mẫu B 09a – DN/HN

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trả trước ngắn hạn bao gồm:

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	425.055.231.066	261.806.054.574
Trả trước ngắn hạn cho người bán	664.182.601.332	213.070.064.424
	1.089.237.832.398	474.876.118.998

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13% trong kỳ. Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	36.751.222.803	40.022.448.427
Lãi phải thu từ công ty khác	5.932.204.462	1.396.058.228
Tạm ứng nhân viên	17.856.943.497	12.157.955.500
Phải thu dự án Svayrieng	1.315.729.513	
Lãi phải thu từ khoản thanh toán chậm	2.211.423.566	
Phải thu khác	5.316.375.652	7.773.410.988
	69.383.899.493	61.349.873.143



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	11.969.867.212	35.904.299.058
Phải thu dài hạn dự án Svayrieng	12.707.425.000	12.707.425.000
Khác	9.000.000	16.600.000
	24.686.292.212	48.628.324.058

(*): Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này.

7. Hàng tồn kho

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
Nguyên vật liệu	90.103.103.391	33.796.888.944
Công cụ và dụng cụ	1.866.121.009	771.473.815
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.394.592.223	25.479.310.297
Thành phẩm	1.066.775.347.822	658.135.893.261
Hàng hóa	181.471.995.770	30.434.144.508
Hàng gửi đi bán	4.089.182.494	1.437.771.255
	1.381.700.342.709	750.055.482.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.541.378.256)	(819.491.576)
	1.373.158.964.453	749.235.990.504

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu niên độ ngày 01/07/2015	284.075.223.111	1.373.736.050.033	24.824.775.446	6.066.107.572	58.405.330.530	1.747.107.486.692
Tăng do hợp nhất kinh doanh	153.827.195.577	990.429.788.137	11.320.103.400	2.036.168.973	1.707.723.484	1.159.320.979.571
Tăng trong niên độ	68.609.786.890	113.308.356.471	10.583.611.693	2.748.647.061	57.000.000	195.307.402.115
Chuyển hình thức tài sản sang hàng tồn kho	(42.112.509.895)					(42.112.509.895)
Thanh lý	-	(8.073.610.373)	(5.946.493.364)	-	-	(14.020.103.737)
Số dư tại ngày 30/06/2016	464.399.695.683	2.469.400.584.268	40.781.997.175	10.850.923.606	60.170.054.014	3.045.603.254.746
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu niên độ ngày 01/07/2015	161.015.685.619	1.035.222.744.018	11.724.125.548	4.612.468.588	58.377.277.125	1.270.952.300.898
Tăng do hợp nhất kinh doanh	50.427.265.574	252.050.882.773	4.257.415.491	1.432.334.874	191.744.036	308.359.642.748
Khấu hao trong niên độ	20.254.937.491	146.748.295.829	4.365.591.565	1.007.468.209	156.960.919	172.533.254.013
Thanh lý	-	(3.825.634.659)	(3.286.169.628)	-	-	(7.111.804.287)
Số dư tại ngày 30/06/2016	231.697.888.684	1.430.196.287.961	17.060.962.976	7.052.271.671	58.725.982.080	1.744.733.393.372
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	123.059.537.492	338.513.306.015	13.100.649.898	1.453.638.984	28.053.405	476.155.185.794
Số dư cuối kỳ	232.701.806.999	1.039.204.296.306	23.721.034.199	3.798.651.935	1.444.071.934	1.300.869.861.374

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính:

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số dư đầu niên độ ngày 01/07/2015	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	73.767.448.385
Số dư cuối kỳ ngày 30/06/2016	73.767.448.385
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu niên độ ngày 01/07/2015	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.228.010.251
Khấu hao trong kỳ	4.929.382.448
Số dư cuối kỳ ngày 30/06/2016	6.157.392.699
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	72.539.438.134
Số dư cuối kỳ	67.610.055.686



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu niên độ ngày 01/07/2015	47.483.754.819	21.431.573.572	68.915.328.391
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	589.186.516	589.186.516
Tăng trong niên độ	134.983.796.640	521.500.000	135.505.296.640
Chuyển hình thức tài sản sang hàng tồn kho	(7.118.540.000)	-	(7.118.540.000)
Số dư tại ngày 30/06/2016	175.349.011.459	22.542.260.088	197.891.271.547
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu niên độ ngày 01/07/2015	8.218.132.165	3.441.332.293	11.659.464.458
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	589.186.516	589.186.516
Khấu hao trong niên độ	2.409.381.258	1.215.978.150	3.625.359.408
Số dư tại ngày 30/06/2016	10.627.513.423	5.246.496.959	15.874.010.382
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	39.265.622.654	17.990.241.279	57.255.863.933
Số dư cuối kỳ	164.721.498.036	17.295.763.129	182.017.261.165

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 30/06/2016 VND	Giai đoạn 30/06/2015 VND
Số dư đầu năm	170.548.334.250	43.583.923.504
Tăng do hợp nhất kinh doanh	900.626.230	
Tăng trong kỳ	398.379.580.064	209.062.550.135
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(176.700.630.592)	(61.574.965.601)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(134.983.796.640)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(7.477.348.691)	(20.523.173.788)
Chuyển sang ứng trước nhà cung cấp	(109.357.227.899)	
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(16.390.832.695)	
Số dư cuối kỳ	124.918.704.027	170.548.334.250

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất- quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

12. Các khoản đầu tư

	30/06/2016		30/06/2015	
	VND	% vốn sở hữu	VND	% vốn sở hữu
(a) Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:				
• Cty CP Khu công nghiệp Thành Thành Công (i)	191.199.128.733	49,45%	205.795.566.787	49,45%
• Cty CP Đường Biên Hòa (ii)	-	-	217.948.152.104	23,71%
• Cty CP Đường Nước Trong (iii)	58.259.784.594	30,54%	48.572.622.899	23,95%
• Cty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (iv)	32.412.015.643	21,96%	30.519.267.021	26,32%
• Cty CP NC & UD mía đường TTC (v)	-	-	15.056.168.665	48,00%
• Cty CP Mía đường Tây Ninh (vi)	126.491.494.092	39,23%	-	0,00%
	408.362.423.062		517.891.777.476	
Đầu tư dài hạn khác:				
• Đầu tư chứng khoán vào công ty khác	220.503.173.395		93.667.053.100	
• Đầu tư nhà làng Bourbon	770.062.384		770.062.384	
	221.273.235.779		94.437.115.484	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(965.170.794)		(68.333.087)	
	628.670.488.047		612.260.559.873	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

	30/06/2016	30/06/2015
	VND	VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
• Đầu tư cổ phiếu khác	67.004.967.683	8.124.761.428
• Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.000.000.000	-
• Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.103.230.060)
Số dư cuối kỳ	85.004.967.683	7.021.531.368

- (i) Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công (Trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa) ("TTCIZ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của TTCIZ đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("Đường Biên Hòa") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ cạnh tác cơ giới nông nghiệp. Trong kỳ Đường Biên Hòa đã sáp nhập thành công với Công ty CP Đường Ninh Hòa, và tỉ lệ sở hữu của công ty còn lại là 17% không còn là công ty liên kết.
- (iii) Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong") được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

- (iv) Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh ("Tanichem"). Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, ấp Hội An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nitơ, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu, ...
- (v) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía Đường Thành Thành Công" được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.
- (vi) Công ty CP Mía đường Tây Ninh ("Mía đường Tây Ninh") trước đây là Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23 tháng 05 năm 2007. Trụ sở chính của Mía đường Tây Ninh đặt tại Số 19, đường Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Hoạt động chính của Công ty là trồng, chế biến, kinh doanh các sản phẩm ngành mía đường, khoai mì, cao su; sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa, gỗ, vật liệu xây dựng; chăn nuôi gia cầm, gia súc; kinh doanh bất động sản, đầu tư tài chính; kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu; kinh doanh vật tư và thiết bị phục vụ ngành mía đường, gỗ, cao su....

13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	40.482.570.837	25.398.671.617
Tăng do hợp nhất kinh doanh	21.733.300.506	
Tăng trong kỳ	33.148.646.066	20.763.861.736
Chuyển từ CP XD CB qua	7.477.348.691	130.640.000
Phân bổ trong kỳ	(40.455.234.778)	(5.810.602.516)
Số dư cuối kỳ	62.386.631.322	40.482.570.837

14. Vay ngắn hạn

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

	Mẫu B 09a – DN/HN	
	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.319.948.696.309	555.558.945.507
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	100.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	103.027.999.586	112.318.342.000
Số dư cuối kỳ	2.522.976.695.895	667.877.287.507



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn tại TTCS

Ngân hàng	Tiền tệ	30/06/2016 VND	30/06/2015 VND	Thuyết minh
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	-	-	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD (30/06/2015: 0 triệu USD). đã được tất nợ
• Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (ii)	VND	100.000.000.000	-	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu với giá trị 100 tỷ VND.
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	427.746.582.087	12.475.466.047	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20 triệu USD (30/06/2015: 15 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị lần lượt là 9.375.000 USD và 9.375.000 USD.
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Tây Ninh (iv)	VND	159.774.939.311	152.224.575.460	Khoản vay này có hạn mức tối đa là 160 tỷ VND (30/06/2015: 160 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 150 tỷ VND và 50 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

• Ngân hàng TMCP Công thương Tây Ninh (v)	VND	169.999.426.573	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250 tỷ (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng 93.688m² quyền sử dụng đất Tân Kim Long An với giá trị định giá là 170 tỷ VND</i>
• Ngân hàng TNHH TM Chinatrust (Việt Nam) (vi)	VND	43.600.000.000	78.000.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2 triệu USD (30/06/2015: 3.6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và/hoặc các khoản phải thu với giá trị là 2 triệu USD.</i>
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (vii)	VND	60.000.000.000	60.000.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND (30/06/2015: 60 tỷ VND). Khoản vay này không được đảm bảo.</i>
• Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Đông Sài Gòn (viii)	VND	193.400.000.000	99.978.904.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND (30/06/2015: 100 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị là 143.75 tỷ VND và 2 triệu USD.</i>
• Ngân hàng Natixis – CN Hồ Chí Minh (ix)	VND	97.147.441.339	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4.1 triệu USD (30/06/2015: 5 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và/hoặc các khoản phải thu với giá trị là 4.5 triệu USD.</i>
• Ngân hàng ACB Tân Thuận (x)	VND	104.954.389.848	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 105 tỷ VND (30/06/2015: 50 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35.678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (127.542 tỷ), 100% khoản phải thu từ dự án, các khoản phải thu 75 tỷ</i>
• Ngân hàng HSBC Hongkong (xi)	VND	-	152.880.000.000	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7 triệu USD (30/06/2015: 7 triệu USD), đã được tắt nợ.</i>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

• Ngân hàng Malayan Banking Berhad (xii)	VND	109.990.000.000	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5 triệu USD (30/06/2015: 0 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị lần lượt là 2.5 triệu USD và 2.5 triệu USD.</i>
• Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Gia Định (xiii)	VND	98.836.953.174	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo một phần, trong đó 100 tỷ không được đảm bảo.</i>
• Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (xiv)	VND	60.446.524.307	-	<i>Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng 8.301.524 cổ phiếu BHS</i>
		1.625.896.256.639	555.558.945.507	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Vay ngắn hạn tại TTCS Gia Lai:	Tiền tệ	30/06/16	Thuyết minh
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VND	111.275.300.000	(a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.000.000 Đô la Mỹ
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (b)	VND	11.000.000.000	(b) Khoản vay này có hạn mức tối đa 2.500.000 Đô la Mỹ và được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu của Công ty
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (c)	VND	126.000.000.000	(c) Khoản vay này có hạn mức tối đa 200 tỷ và được đảm bảo bằng hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công Thương (d)	VND	370.770.333.170	(d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400 tỷ VND và không được đảm bảo
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh HCM (e)	VND	11.000.000.000	(e) & (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.000.000 Đô la Mỹ và được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty
Ngân hàng Malayan Banking Berhard - Chi nhánh Hà Nội (f)	VND	48.000.000.000	
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam (g)	VND	16.006.806.500	(g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 80 tỷ VND và không được đảm bảo
		<u>694.052.439.670</u>	



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

15. Người mua trả tiền trước

	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương	66.731.910.000	66.731.910.000
Người mua trả tiền trước	109.878.563.043	14.519.717.841
	176.610.473.043	81.251.627.841

- (*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	(4.854.499.943)	(773.549.330)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.770.439.167	(1.278.803.251)
Thuế thu nhập cá nhân	(121.243.229)	18.410.994
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế khác	(44.236.831)	-
	750.459.164	(2.033.941.587)

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

17. Chi phí phải trả

	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Phí vận chuyển và bốc dỡ	4.911.992.090	5.260.591.500
Chi phí lãi vay	22.050.638.478	2.537.822.410
Phép năm không sử dụng	394.876.511	435.336.620
Trích trước chi phí chiết khấu	374.890.773	399.307.447
Trích trước chi phí nguyên vật liệu chính	10.882.024.095	
Lương tháng 13	4.467.090.266	
Chênh lệch tỷ giá phải trả	15.124.618.000	
Chi phí khác	3.000.952.567	2.186.081.114
	61.207.082.780	10.819.139.091

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía phải trả	1.885.901.296	2.570.106.649
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	495.156.265	441.188.085
Phải trả trao đổi nguyên vật liệu	15.621.337.683	
Kinh phí công đoàn	210.440.951	-
Bảo hiểm xã hội	61.372.327	-
Bảo hiểm y tế	10.513.101	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.114.136.206	-
Khác	4.194.454.546	927.158.996
	24.793.312.375	5.138.453.730

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.186.399.999	22.350.117.493
Phát sinh do hợp nhất kinh doanh	1.553.416.607	-
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	23.045.097.412	3.688.248.683
Sử dụng quỹ	(21.490.912.278)	(12.851.966.177)
Số dư cuối kỳ	16.294.001.740	13.186.399.999

20. Vay dài hạn

	30/06/16	30/06/15
	VND	VND
Vay dài hạn	520.520.651.167	620.930.671.000
Trái phiếu dài hạn	1.000.000.000.000	
Nợ thuê tài chính	52.686.267.240	
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(203.027.999.586)	(112.318.342.000)
	1.370.178.918.821	508.612.329.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Vay dài hạn tại TTCS

	Tiền tệ	30/06/16	30/06/15	Thuyết Minh
Vay dài hạn không được đảm bảo:				
Công ty CP Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	9.545.366.000	11.931.708.000	(i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36 tỷ VND (30/06/2015: 36 tỷ VND). Số dư 9.545.366.000 VND của khoản vay này được hoàn trả trong 8 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1,193 tỷ VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
Vay dài hạn được đảm bảo:				
Ngân hàng ACB-Tân Thuận (ii)	VND	80.602.963.000	61.014.963.000	(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/06/2015: 100 tỷ VND). Số dư 80.602.963.000 VND của khoản vay này được ân hạn 1 năm và được hoàn trả trong 24 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.358.457.125 VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào ngày 15 tháng 05 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Tây Ninh (35,678 tỷ), tài sản hình thành trong tương lai từ dự án (106,926 tỷ), 100% khoản phải thu từ dự án
Ngân hàng công thương Tây Ninh (iii)	VND	262.000.000	434.000.000	(iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 520 triệu VND (30/06/2015: 520 triệu VND). Số dư 262 triệu VND của khoản vay này được hoàn trả trong 6 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 43 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 14 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m2 quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thể chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ngân hàng công thương Tây Ninh (iv)	VND	2.113.000.000	1.550.000.000	(iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,185 tỷ VND (30/06/2015: 1,69 tỷ VND). Số dư 2,113 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 08 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 264 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 23 tháng 09 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1.000 m2 quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Tây, Tân Biên, Tây Ninh và 3 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp lần lượt là 654 triệu và 2,874 tỷ.
Ngân hàng công thương Tây Ninh (v)	VND	4.670.000.000	-	(v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4,67 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Số dư 4,67 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 12 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 389 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 30 tháng 03 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 5 chiếc máy kéo với giá trị thế chấp là 6,873 tỷ.
Ngân hàng công thương Tây Ninh (vi)	VND	4.146.000.000	-	(vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 4,146 tỷ VND (30/06/2015: 0 tỷ VND). Số dư 4,146 tỷ VND của khoản vay này được hoàn trả trong 12 kỳ ba tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 345,5 triệu VND và kỳ cuối cùng trả vào ngày 20 tháng 04 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng 1 máy thu hoạch mía với giá trị thế chấp là 5,127 tỷ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ngân hàng HSBC HONG KONG (vii)	USD	-	546.000.000.000	(vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 25 triệu USD (30/06/2015: 25 triệu USD). Đã được tất nợ
Trái phiếu phát hành (viii)	VND	1.000.000.000.000	-	(viii) Gói trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, bằng đồng Việt Nam ("đồng"), với tổng mệnh giá 1.000 tỷ đồng, được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản máy móc thiết bị, nhà xưởng, quyền sử dụng 32 ha đất tọa lạc tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (30/06/2015: 0 tỷ VND). Thời điểm mua lại và giá trị mua lại sau ngày phát hành tương ứng bao gồm: Ngày tròn 12 tháng đầu, tối thiểu 10% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 24 tháng, tối thiểu 15% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 36 tháng, tối thiểu 25% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 48 tháng, tối thiểu 25% tổng mệnh giá trái phiếu; Ngày tròn 60 tháng, toàn bộ số trái phiếu đang lưu hành và chưa được thanh toán tại ngày đáo hạn
		1.101.339.329.000	620.930.671.000	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Vay dài hạn tại TTCS Gia Lai

	Tiền tệ	30/06/16	Thuyết Minh
Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (a)	VND	405.401.266.544	(a) Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty; máy móc, thiết bị và tài sản cố định trong dự án nâng cấp công suất nhà máy từ 3.200 lên 6.000 TMN; quyền bán điện trong Hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (b)	VND	6.130.000.000	(b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND và được đảm bảo bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 được hoàn trả trong 16 quý bằng nhau, mỗi quý trả 430 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng vào ngày 25 tháng 12 năm 2019.
Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	7.650.055.623	(c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.231 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị của Công ty với giá trị còn lại là 8.536 triệu VND. Khoản vay này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa Ngân hàng và Công ty
Thuê tài chính	VND	52.686.267.240	(d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.774 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị của Công ty với giá trị còn lại là 7.313 triệu VND. Khoản vay này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa Ngân hàng và Công ty
		471.867.589.407	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch tỉ giá VND	Các quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	220.510.187.504	-	(4.960.381.269)	80.341.517.451	1.734.046.124.653
Lợi nhuận thuần trong	-	-	-	-	-	-	188.337.154.266	188.337.154.266
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.915.466.281	-	2.919.523.230	(10.603.714.964)	(768.725.453)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)
Số dư tại ngày 01 tháng 07 năm 2015	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	227.425.653.785	-	(2.040.858.039)	257.408.414.403	1.920.948.011.116
Phát hành lại cổ phiếu	-	3.015.679.213	21.270.336.750	-	-	-	-	24.286.015.963
Phát hành cổ phiếu hoán đổi cổ phiếu SEC	371.423.580.000	137.426.724.600	-	-	-	-	-	508.850.304.600
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	296.134.740.874	296.134.740.874
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	16.283.606.416	-	-	(36.223.865.202)	(19.940.258.786)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(127.661.462.600)	(127.661.462.600)
Tặng khác	-	-	-	-	(1.102.941.882)	2.040.858.039	-	937.916.157
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	<u>1.856.423.580.000</u>	<u>155.174.403.823</u>	<u>(40.306.862.293)</u>	<u>243.709.260.201</u>	<u>(1.102.941.882)</u>	<u>-</u>	<u>389.657.827.475</u>	<u>2.603.555.267.324</u>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo).

Mẫu B 09a – DN/HN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/16		30/06/15	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(3.268.840)	(32.688.400.000)	-	-
Cổ phiếu hoán đổi - SEC				
Cổ phiếu phổ thông	37.142.358	371.423.580.000	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	182.373.518	1.823.735.180.000	148.500.000	1.485.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	30/06/16		30/06/15	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000
Cổ phiếu lưu hành bình quân tăng /giảm trong kỳ	29.355.064	293.550.640.710	-	-
Số dư cuối kỳ	172.861.224	1.728.612.240.710	143.506.160	1.435.061.600.000

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 01/07/2015 đến 30/06/2016 VND	Giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/06/2015 VND
Số dư đầu năm	61.577.199.043	61.577.199.043
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	(21.270.336.750)	-
Số dư cuối kỳ	40.306.862.293	61.577.199.043

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

23. Cổ tức

Trong kỳ từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/06/2016 Công ty đã chia cổ tức 7% mệnh giá bằng tiền mặt.

24. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Theo thông tư 200, Quỹ dự phòng Tài Chính và Quỹ đầu tư phát triển sẽ được gọi chung là Quỹ đầu tư Phát Triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu		
Bán đường	890.886.390.894	502.434.001.683
Bán mật đường	29.948.922.474	11.387.480.962
Bán điện	4.569.579.181	1.887.107.343
Bán phân bón	73.046.404.989	34.068.975.182
Khác	24.947.236.304	2.712.492.878
	1.023.398.533.842	552.490.058.048
Giảm giá hàng bán	-2.788.038.987	(1.088.716.914)
Doanh thu thuần	1.020.610.494.855	551.401.341.134

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn đường	733.321.789.365	414.608.673.380
Giá vốn mật đường	28.078.038.151	12.698.632.819
Giá vốn điện	4.277.277.077	1.950.162.623
Giá vốn phân bón	71.748.056.591	32.033.757.618
Khác	29.921.314.940	2.340.997.173
	867.346.476.124	463.632.223.613

27. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.367.192.548	2.147.275.211
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	265.851.184	1.818.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	941.278.177	4.389.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.063.226.684	18.191.177.730
Chi phí bằng tiền khác	1.021.462.527	1.096.814.732
	19.659.011.120	21.441.475.522

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	12.666.320.211	8.611.297.526
Chi phí vật liệu quản lý	237.747.881	19.851.939
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	415.126.413	349.140.477
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.308.398.585	914.559.538
Thuế, phí và lệ phí	59.855.687	54.219.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.067.713.719	3.326.161.452
Chi phí bằng tiền khác	15.352.066.695	4.175.799.894
Chi phí dự phòng	-1.336.800.600	0
	38.770.428.591	17.451.030.035

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng	7.991.486.881	6.541.430.055
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	12.465.840.313	-
Cổ tức	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	4.360.991.989	111.047.008
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	461.699.877	187.274.663
Lãi hoạt động đầu tư	12.836.791.386	5.980.249.772
Doanh thu tài chính khác	2.521.695.168	3.187.650.922
	40.638.505.614	16.007.652.420

30. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	59.461.147.483	9.407.785.498
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng	(5.118.896.499)	(6.990.046.916)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.855.762.968	2.950.761.156
Hoạt động đầu tư chứng khoán	1.658.772.369	2.027.283.573
Khác	2.725.438.759	2.178.992.865
	64.582.225.080	9.574.776.176

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	(5.694.209.072)	4.176.656.920
	(5.694.209.072)	4.176.656.920
	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm	-	(298.602.082)
	(5.694.209.072)	3.878.054.838

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Tên công ty	Giai đoạn 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán thành phẩm	29.780.811.835	12.944.765.714
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	1.444.485.841	161.685.938
Nhận Cung cấp dịch vụ	750.333.105	6.814.575.604
Mua hàng hóa	12.000.000	58.396.211.667
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	662.353.593	20.666.667
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	5.411.229.874	576.593.883
Cung cấp dịch vụ	65.454.545	65.454.545
Mua đường thô	80.208.904.848	3.586.350.952
Nhận cung cấp dịch vụ	1.970.327.650	1.680.253.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên		
Lãi ứng trước tiền hàng + lãi cho vay	847.264.060	1.094.390.004
Mua hàng hóa	49.938.893.904	28.051.092.849
Bán hàng hóa	22.571.428.571	-
Công ty CP Đường Nước Trong		
Bán hom giống	-	6.688.500
Tiêu thụ hộ	555.841.112	-
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	23.333.333	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - quý 4 niên độ từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Công ty CP Đường Biên Hòa

Bán hàng hóa	43.205.212.022	1.121.052.878
Cung cấp dịch vụ	-	6.293.757.000
Mua hàng hóa	269.558.613.250	44.292.223
Nhân dịch vụ	568.824.065	136.734.057

Công ty CP Mía đường Tây Ninh

Mua hàng hóa	42.000.000	40.000.000
Lãi vay + lãi ứng trước tiền hàng	293.222.220	-

Lập bảng



Đặng Thị Diễm Trinh

Kế toán trưởng



Lê Phát Tín



Người duyệt
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Ngừ

Ngày 30 tháng 07 năm 2016